TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 262/2025/DS-PT
Ngày: 18 – 4 – 2025
V/v tranh chấp *"Yêu cầu công nhận Quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng; chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất và chia thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân.

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Bình.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Duy Khanh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp *"Yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng; chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất và chia thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2023/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 791/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Huỳnh Văn Â**, sinh năm 1949.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1982 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 01/4/2025)

- *Bị đơn*:

Huỳnh Văn B, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Huỳnh Thị H, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ủy ban nhân dân huyện C (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn N** – Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Hoàng S** - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C.

Huỳnh Văn Â, sinh năm: 1949.

Đại diện theo ủy quyền của Huỳnh Văn Â: **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1982 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 01/4/2025)

Phạm Thị G, sinh năm: 1952 (đã chết 2011).

Huỳnh Văn V, sinh năm: 1982 (đã chết năm 2016).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn V:

Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm: 1982 (vắng mặt);

Huỳnh Văn K, sinh năm: 2002 (có mặt);

Huỳnh Văn L, sinh năm: 2007 (vắng mặt);

Đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị Ngọc C, Huỳnh Văn L: **Huỳnh Văn K**, sinh năm: 2002 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 24/3/2025)

Huỳnh Văn T, sinh năm: 1982 (có mặt);

Huỳnh Thị Đ, sinh năm: 1984 (vắng mặt);

Huỳnh Văn N1, sinh năm: 1973 (vắng mặt);

Huỳnh Văn H1, sinh năm: 1974 (vắng mặt);

Huỳnh Văn B, sinh năm: 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Huỳnh Thị H, sinh năm: 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Huỳnh Thị T1, sinh năm: 1985 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Huỳnh Thị Mỹ D, sinh năm: 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trần Thị L1, sinh năm: 1992.

Đại diện theo ủy quyền của Trần Thị L1: **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1982 (có mặt).

Cùng địa chỉ:Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Huỳnh Thị Ngọc B1, sinh năm: 1980 (vắng mặt);

Huỳnh Thị Bảo T2, sinh năm: 2003 (vắng mặt);

Huỳnh Tuấn K1, sinh năm: 2006 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* **Nguyễn Thị Ngọc C**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm,

**** Nguyên đơn ông Huỳnh Văn Â có người đại diện theo ủy quyền là anh Huỳnh Văn T trình bày:***

Vợ chồng ông Huỳnh Văn Â và bà Phạm Thị G (sinh năm 1952, chết năm 2011) có 09 người con gồm: Huỳnh Văn N1, Huỳnh Văn H1, Huỳnh Thị H, Huỳnh Văn B, Huỳnh Văn V (sinh năm: 1979, chết năm 2016 có vợ là Nguyễn Thị Ngọc C và con tên Huỳnh Văn K và Huỳnh Văn L, sinh năm: 2007), Huỳnh Văn T, Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Thị T1, Huỳnh Thị Mỹ D. Ông Â và bà G có tạo lập được thửa đất số 236, tờ bản đồ số HMBC6, diện tích 2902m^2 (loại đất V+T) và thửa đất số 237, tờ bản đồ số HMBC6, diện tích 4204m^2 (loại đất lúa). Cả hai thửa đất vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1025. QSDĐ, ngày 31/10/1998. Cấp cho hộ do bà Phạm Thị G đại diện hộ đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, địa chỉ 02 thửa đất tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đến năm 2011 bà G chết không để lại di chúc, ông Â có ý định sang tên chuyển quyền lại cho con để quản lý canh tác, thờ cúng trong nhà thì trong 02 người con của ông tên Huỳnh Văn B và Huỳnh Thị H không đồng ý ký tên đề làm thủ tục sang tên chuyển quyền, nên phát sinh tranh chấp.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết: Công nhận thửa đất số 236, tờ bản đồ số HMBC6, diện tích 2902m^2 (loại đất V+T) và thửa đất số 237, tờ bản đồ số HMBC6, diện tích 4204m^2 (loại đất lúa). Cả hai thửa đất vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1025 quyền sử dụng đất ngày 31/10/1998. Cấp cho hộ do bà Phạm Thị G đại diện hộ đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Địa chỉ 02 thửa đất tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản của vợ chồng ông Huỳnh Văn Â với Phạm Thị G. Ông yêu cầu chia 02 thửa đất này. Ông xin nhận ½ tài sản là quyền sử dụng đất và ½ tài sản là quyền sử dụng đất còn lại của bà G, do bà G chết không để lại di chúc. Ông yêu cầu chia thừa kế phần đất này theo quy định pháp luật ông cũng xin nhận là quyền sử dụng đất. Đối với phần đất ông được chia, ông có ý kiến là cho lại toàn bộ cho anh Huỳnh Văn T. Đồng thời trên đất này có căn nhà ông

Â đang ở và cây trồng trên đất do anh T trồng và canh tác. Hiện nay ông ở chung nhà với anh T nên không có ý kiến gì về tài sản trên đất.

Ông Â cũng thống nhất theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 22/03/2022 thửa đất 236 và 237 là liền kề nhau có tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 5803,1m^2.

Bị đơn anh Huỳnh Văn B và chị Huỳnh Thị Hồng D1 được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và được triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng anh B và chị H vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh và chị cũng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C và người đại diện theo ủy quyền hợp pháp là ông Nguyễn Hoàng S có đơn xin vắng mặt và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thành viên hộ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng là hàng thừa kế thứ nhất của bà Phạm Thị G gồm: Huỳnh Văn N1, Huỳnh Văn H1, Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Thị T1 và Huỳnh Thị Mỹ D. Những người này có đơn yêu cầu độc lập và có ý kiến yêu cầu Tòa án công nhận thửa đất số 236, tờ bản đồ số HMBC6, diện tích 2902m^2 (loại đất V+T) và thửa đất số 237, tờ bản đồ số HMBC6, diện tích 4204m^2 (loại đất lúa). Cả hai thửa đất vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1025.QSDĐ, ngày 31/10/1998. Cấp cho hộ do bà Phạm Thị G đại diện hộ đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Địa chỉ 02 thửa đất tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản của cha mẹ là ông Huỳnh Văn Â và bà Phạm Thị G và có ý kiến đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Âu là ½ quyền sử dụng đất là của ông Â thuộc quyền sở hữu của ông Â. Đối với ½ quyền sử dụng đất còn lại của bà G thì chia theo pháp luật, các anh chị xin nhận 1/10 di sản này bằng hiện vật và nếu được chia đất, các anh chị cũng cho lại phần đất này cho Huỳnh Văn T. Đối với tài sản trên đất thống nhất theo ý kiến của ông Â không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn T có ý kiến yêu cầu công nhận 02 thửa đất nêu trên là tài sản của cha mẹ anh là ông Â và bà G. Đồng ý chia 2 cho ông Â ½ và bà G ½. Đối với tài sản của bà G anh cũng có ý kiến là chia theo quy dịnh pháp luật. Anh xin nhận 1 kỷ phần là quyền sử dụng đất. Đối với các kỷ phần được chia của ông Â, anh N1, anh H1, chị Đ, chị T1 và chị D cho anh. Anh đồng ý nhận. Đối với tài sản trên đất anh cũng đồng ý theo ý kiến nguyên đơn không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc C và Huỳnh Văn K, Huỳnh Văn L là hàng thừa kế thế vị của anh Huỳnh Văn V Tại phiên tòa hôm nay có đơn xin vắng. Đồng thời có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu chia 1 kỷ phần thế vị của anh V đối với phần tài sản của bà G chết không để lại di chúc. Tại phiên tòa hôm nay. Chị C, anh K và anh L có đơn xin vắng mặt và có ý kiến xin nhận một kỷ phần thừa kế thế vị của anh Huỳnh Văn V đối với di sản thừa kế của bà Phạm Thị G và xin nhận phần đất mà ông Â và anh Huỳnh Văn T cho tặng cộng lại đủ diện tích đang

quản lý là 707,4m^2 và có ý kiến ba người cùng đứng tên chung phần đất này. Đồng thời cũng xin chịu án phí đối với phần đất được nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị L1 có đơn xin vắng và có ý kiến giống anh Huỳnh Văn T. Huỳnh Thị Ngọc B1, Huỳnh Thị Bảo T2 và Huỳnh Tuấn K1 vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2023/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 9, Điều 26; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm c, khoản 1, Điều 39; Khoản 1, Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố Tụng Dân sự; Căn cứ vào Điều 609, 612, 613, 614, 649, 650 và 651 Bộ luật dân sự; Căn cứ các Điều 97, 98, 99, 100 và khoản 1, Điều 170 Luật đất đai; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Căn cứ Điều 46 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn Â. số 236, tờ bản đồ số HMBC6, diện tích 2902m^2 (loại đất V+T) và thửa đất số 237, tờ bản đồ số HMBC6, diện tích 4204m^2 (loại đất lúa). Cả hai thửa đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1025.QSDĐ, ngày 31/10/1998. Cấp cho hộ do bà Phạm Thị G đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Địa chỉ 02 thửa đất tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chia cho ông Â ½ diện tích của 02 thửa đất trên.

Công nhận ½ diện tích của 02 thửa đất trên là di sản thừa kế của bà Phạm Thị G.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người yêu cầu độc lập.

Chia cho ông Huỳnh Văn Â, Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn N1, Huỳnh Văn H1, Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Thị T1 và Huỳnh Thị Mỹ D mỗi người một kỷ phần trong di sản của bà G là 290,155m^2.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Văn Â, Huỳnh Văn N1, Huỳnh Văn H1, Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Thị T1 và Huỳnh Thị Mỹ D cho lại phần đất được chia cho anh Huỳnh Văn T.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh T nhận 4.434,7m^2 đất.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh T chia lại cho chị C, anh K và anh L 359,845m^2 đất. Tổng số đất những người này được nhận là 650m^2.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh T cho lại anh B 132,7m^2 đất.

Giao 02 kỷ phần của anh Huỳnh Văn B và chị Huỳnh Thị H cho anh B quản lý. Như vậy anh B quản lý tổng cộng là 718,4m^2. Có sơ đồ bản vẽ kèm theo.

Đối với phần đất của anh Huỳnh Văn T với chị Nguyễn Thị Ngọc C, Huỳnh Văn K và Huỳnh Văn L được nhận. Được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy lại quyền sử dụng đất.

Đối với phần đất anh Huỳnh Văn B quản lý, nếu sau này chị H và anh B có phát sinh tranh chấp được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, giải thích về quyền kháng cáo và quyền được thỏa thuận thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/12/2024 bà Nguyễn Thị Ngọc C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm đã chia cho bà và các con phần diện tích đất 650m^2.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn Â giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu công nhận thửa số 236 diện tích 2902m^2 và thửa số 237 diện tích 4204m^2 là tài sản chung của vợ chồng. Yêu cầu được hưởng ½ tài sản chung và yêu cầu chia di sản thừa kế đối với ½ tài sản còn lại theo quy định pháp luật.

Người kháng cáo: chị Nguyễn Thị Ngọc C giữ nguyên kháng cáo và yêu cầu cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm. Theo hồ sơ thể hiện bút ký phiên tòa và bản án gốc không có chử ký của chủ tọa phiên tòa. Không có Biên bản nghị án của HĐXX là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại các Điều 235, 236 BLTTDS. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn Â khởi kiện yêu cầu yêu cầu công nhận thửa số 236 diện tích 2902m^2 và thửa số 237 diện tích 4204m^2 là tài sản chung của vợ chồng. Yêu cầu được hưởng ½ tài sản chung và yêu cầu chia di sản thừa kế đối với ½ tài sản còn lại theo quy định pháp luật nên cấp sơ thẩm xác

định quan hệ tranh chấp "Chia tài sản chung và chia thừa kế" là có căn cứ đúng qui định tại khoản 2, 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn ông Huỳnh Văn Â với bị đơn anh Huỳnh Văn B và chị Huỳnh Thị H là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc C là đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc C Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 10/01/2023 TAND huyện Cái Bè đưa vụ án ra xét xử và tuyên án cùng ngày. Tuy nhiên trong hồ sơ thể hiện bút ký phiên tòa và bản án gốc không có chử ký của chủ tọa phiên tòa. Không có Biên bản nghị án của Hội đồng xét xử là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại các Điều 235, 236 BLTTDS. Do đó Hội đồng xét xử cần hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cho TAND huyện Cái Bè giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[6] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang Hội đồng xét xử là có cơ sở phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc C không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 2 Điều 310, khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 269 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Cái Bè giải quyết lại theo trình tự thủ tục sơ thẩm.

Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Ngọc C không phải chịu án phí phúc thẩm. H2 lại chị Nguyễn Thị Ngọc C 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0016366 ngày 30/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè tỉnh Tiền Giang.

Án phí sơ thẩm sẽ được quyết định lại khi xét xử sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè;
- CC THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Vân